TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 15 - 8 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Tuyết

2. Ông Bế Nhật Độ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HS ngày 01/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nông Văn T ; Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1995 tại xã H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S (đã chết), Con bà Long Thị E, sinh năm:1965, trú tại: xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); Vợ: Giang Thị H, sinh năm: 1996, trú tại: xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); Con: có 01 con sinh năm 2016; Anh chị em ruột: bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

- Tiền án: 01 tiền án: Ngày 05/4/2022: Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

- Tiền sự: không

- Về nhân thân: Ngày 06/9/2018: Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Hủy hoại nguồn lợi thủy sản.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng) từ ngày 14/3/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Bị cáo Nông Văn T1 ; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992 tại xã H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N (đã chết năm 2011), Con bà Nông Thị Đ, sinh năm:1970, trú tại: xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); Vợ; Con: không; Anh chị em ruột: bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con cả trong gia đình.

- Tiền án: 02 tiền án:

+ Ngày 30/6/2015: Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy;

+ Ngày 21/11/2023: Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

- Tiền sự: không.

- Về nhân thân:

+ Ngày 12/3/2014: Công an thành phố C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Ngày 24/7/2021: Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng xử phạt 1.000.000,đ về hành vi Trộm cắp tài sản;

+ Ngày 29/9/2021: Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

+ Ngày 30/5/2022: Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực thành phố C từ ngày 16/3/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Lữ Thị H1; sinh năm 1980; (Vắng mặt có lý do);

Cư trú: Tổ H, phường T, tỉnh Cao Bằng.

- Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Bà Nông Thị Thu T2 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Giang Văn B; sinh năm 1970; (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng.

2. Bà Tạ Thị Thu H2; sinh năm 1976; (Có mặt)

Cư trú: Tổ D, phường T, tỉnh Cao Bằng.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Trần Văn H3; sinh năm: 1973 (Có mặt)

Cư trú: Tổ D, phường T, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 09/3/2025, Công an phường H (nay là Công an phường T) tiếp nhận đơn trình báo của Lữ Thị H1 (sinh ngày 27/8/1980; trú tại: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là tổ H 03, phường T, tỉnh Cao Bằng) về việc khoảng 05 giờ ngày 06/3/2025, gia đình chị H1 bị mất trộm 01 (một) con chó, giống chó xù B, nặng khoảng 20kg. Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành xác minh xác định được Nông Văn T1 (sinh ngày: 10/02/1992) và Nông Văn T (sinh ngày: 26/4/1995) cùng trú tại xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng) là người đã trộm cắp con chó trên, sau đó đem đến cửa hàng kinh doanh thịt chó tại tổ B, phường D, thành phố C (nay là tổ D 02, phường T, tỉnh Cao Bằng) của Tạ Thị Thu H2 (sinh ngày: 26/4/1976; trú tại: tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là tổ D 02, phường T, tỉnh Cao Bằng)) bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hồi 07 giờ 10 phút ngày 11/3/2025 tại Công an phường H, cơ quan điều tra tiến hành thu giữ đối với Nông Văn T1: 01 (một) đôi giày màu trắng có nhiều hoa văn, trên giày có ghi dòng chữ "TRENDS ADDICTED"; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen có lưỡi, trên mũ ghi dòng chữ "adidas"; 01 (một) sợi dây kim loại màu trắng dài 203cm; 01 (một) thanh kim loại màu trắng có kích thước 148x0,4cm; 01 (một) chiếc quần vải dài màu đen; 01 (một) đám muội than màu đen (T1 khai nhận là muội than còn lại sau khi đốt áo mưa T1 mặc khi trộm chó). Hồi 09 giờ 20 phút ngày 13/3/2025 tại Công an phường H, cơ quan điều tra tiến hành thu giữ đối với Nông Văn T: 01 (một) đôi giày màu xanh cam, trên giày có ghi dòng chữ "NEW SPORT"; 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đỏ đen, biển kiểm soát: 11S1-0535; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K màu xanh dương, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen, có lưỡi, trên mũ có ghi dòng chữ "NIKES".

Ngày 11/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C ra yêu cầu định giá tài sản số 764 xác định giá trị con chó bị mất trộm của Lữ Thị H1. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 12/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: *"Giá trị tài sản là: 5.167.000,đ (năm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)"*.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/3/2025, Nông Văn T và Nông Văn T1 cùng uống rượu tại nhà T1 tại xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng và bàn bạc cùng nhau đến thành phố C trộm chó để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 23 giờ ngày 05/3/2025, Nông Văn T về nhà lấy xe mô tô Yamaha Taurus biển kiểm soát 11S1-0535 của bố vợ là Giang Văn B (sinh ngày: 23/7/1970; trú tại: xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng)) đến đón T1 tại nhà T1. Tại đây, T dùng băng dính đen dán che kín biển số xe và mang theo 02 (hai) bao tải dứa màu trắng, T1 mang theo 01 (một) cây thòng lọng tự chế bằng dây phanh xe đạp và một thanh kim loại. T điều khiển xe mô tô chở T1 đến thành phố C, đi xung quanh khu vực phường S, thành phố C (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) và phường N, thành phố C (nay là phường N, tỉnh Cao Bằng) để tìm trộm chó. Đến khoảng 03h ngày 06/3/2025, T phát hiện có 01 (một) con chó lông màu vàng trên đường nên điều khiển xe đến gần. T1 dùng thòng lọng thắt vào cổ chó kéo đi một đoạn thấy chó không còn cử động thì T dừng xe, mở bao tải dứa để T1 bỏ chó vào trong bao tải và buộc lại, sau đó đem giấu tại một bụi chuối bên đường gần khu vực đường T. T tiếp tục điều khiển xe chở T1 đi xung quanh khu vực phường T và phường N và trộm được thêm 01 (một) con chó lông màu vàng rồi quay lại lấy con chó trước đó đã giấu. Tây sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K của bản thân gọi điện thoại cho Tạ Thị Thu H2 hỏi bán chó thì H2 đồng ý mua, sau đó T điều khiển xe mô tô chở T1 đến quán thịt chó của H2 tại tổ B, phường D, thành phố C (nay là tổ D 02, phường T, tỉnh Cao Bằng) bán được 1.000.000,đ *(một triệu đồng)*.

Sau khi bán xong chó, T tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T1 đi xung quanh khu vực thành phố C tìm chó để trộm. Đến khoảng 05h ngày 06/3/2025, khi đi ngang qua nhà Lữ Thị H1 tại tổ C, phường H, thành phố C (nay là tổ H 03, phường T, tỉnh Cao Bằng), T phát hiện 01 (một) con chó màu nâu, lông xù nên điều khiển xe đến gần và T1 dùng thòng lọng thít vào cổ chó kéo đi khoảng 30m đến một ngã ba thì T rẽ vào đó đi một đoạn, thấy chó không còn phản ứng nên cả hai dừng xe và cho vào bao tải dứa rồi tiếp tục chở đến quán của Tạ Thị Thu H2 bán được số tiền 500.000,đ *(năm trăm nghìn đồng)*. Sau đó T và T1 về nhà tại xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng và chia nhau mỗi người 750.000,đ *(bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* và đã tiêu xài hết số tiền trên.

Đối với 02 (hai) con chó có lông màu vàng, Cơ quan điều tra chưa nhận được đơn trình báo nào của công dân về việc bị mất trộm chó ngày 06/3/2025 nên chưa xác định được chủ sở hữu. Cơ quan điều tra hiện đang tiếp tục xác minh và sẽ giải quyết khi có đủ căn cứ.

Đối với các tài sản đã tạm giữ trong vụ án, Cơ quan điều tra hiện đang tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKSKV1 ngày 11/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nông Văn T1 về "Trộm

cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T, bị cáo Nông Văn T1 phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T1 từ 30 đến 36 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự cho bị bại bà Lữ Thị H1 số tiền 5.167.000đ *(Năm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* mỗi người: 2.583.500 *(Hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).* Xác nhận bị cáo Nông Văn T đã nộp số tiền 2.500.000đ tại biên lai thu số 0000057 ngày 15/8/ 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Nay còn phải bồi thường dân sự cho bà H1 83.500đ (Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 11S1-0535, ông Giang Văn B là chủ sở hữu nên cần trả lại cho ông B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tịch thu tiêu huỷ đối với:

+ 01 (một) đôi giày màu trắng có nhiều hoa văn trên giày có ghi dòng chữ "TRENDS ADDICTED"

+ Đối với 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen có lưỡi trên mũ ghi dòng chữ "adids";

+ 01 (một) chiếc quần vải dài màu đen;

+ 01 (một) đôi giày màu xanh cam trên giày có ghi dòng chữ " NEW SPORT"

+ 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen, có lưỡi, trên mũ có ghi dòng chữ " NIKES"

Đây là đồ dùng cá nhân của các bị cáo, đã hết giá trị sử dụng, các bị cáo không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với pháp luật.

Đối với:

+ 01 (một) sợi dây kim loại màu trắng dài 203cm;

+ 01 (một) thanh kim loại màu trắng có kích thước 148 x 0,4cm;

+ 01 (một) đám muội than màu đen

Đây là dụng cụ các bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K màu xanh dương máy cũ đã qua sử dụng; số Imei: 865020066293111, I: 865020066293103, điện thoại đã qua sử dụng. Bị cáo dùng điện thoại vào việc liên lạc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại để sung công quỹ nhà nước.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Nhất trí với các căn cứ đề nghị của đại diện viện kiểm sát đã trình bày tại phiên tòa, không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát và trình bày lời bào chữa: Việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét về giá trị tài sản trộm cắp là 5.167.000đ, bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự với giá trị từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ. Như vậy, giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp chỉ trên mức định khung hình phạt. nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thật thà khai báo; Tự nguyện nộp số tiền 2.500.000đ để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại bà H1 đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự. Đề xuất cho bị cáo T được hưởng mức án thấp hơn mà hình phạt Viện kiểm sát đề xuất. Về án phí vì bị cáo thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức mà hình phạt VKS đề xuất. Bị cáo T nhất trí với lời bào chữa và không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo T1 không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt. Trong lời nói sau cùng của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được hưởng án thấp nhất để cho các bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, Bị hại bà Lữ Thị H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giang Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo đã thực hiện, tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình; Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên khoảng 05 giờ ngày 06/3/2025 tại khu vực tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là tổ H 03, phường T, tỉnh Cao Bằng), Nông Văn T1 và Nông Văn T có hành vi trộm cắp 01 (một) con chó trị giá 5.167.000,đ *(năm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* của chị Lữ Thị H1.

Hành vi của bị cáo Nông Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Hành vi của bị cáo Nông Văn T1 do ngày 21/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng kết án về Tội cố ý gây thương tích với tình tiết tăng nặng tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, do đó lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo Nông Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Các bị cáo bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với Tạ Thị Thu H2 khi mua chó với các bị cáo T, T1 không biết tài sản bán là do phạm tội mà có. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà H2 là có căn cứ. Tại phiên toà, bà H2 không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Nông Văn T có nhân thân rất xấu cụ thể Ngày 06/9/2018: Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Hủy hoại nguồn lợi thủy sản. Tiền sự: không. Tiền án có 01 tiền án: Ngày 05/4/2022: Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Bị cáo chưa thi hành khoản tiền bồi thường dân sự. Bị cáo bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo sau khi chấp hành xong bản án trên bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp phạm tội. Do bản thân bị cáo lười lao

động không có tiền để tiêu sài cho bản thân nên đã phạm tội. Xét vai trò của bị cáo T là người chủ động rủ bị cáo T1 và chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và khi thực hiện hành vi phạm tội có sự bàn bạc, phân công để cùng nhau phạm tội, đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Với giá trị tài sản trộm cắp là 5.167.000đ. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã nộp số tiền 2.500.000đ tại biên lai thu số 0000057 ngày 15/8/ 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo T.

Đối với bị cáo Nông Văn T1 có nhân thân xấu cụ thể: Ngày 12/3/2014: Công an thành phố C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 24/7/2021: Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng xử phạt 1.000.000,đ về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 29/9/2021: Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Ngày 30/5/2022: Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng.

Về tiền án: 02 tiền án: Ngày 30/6/2015: Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Ngày 21/11/2023: Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, tính đến ngày bị cáo phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích. Xét bị cáo có nhân rất thân xấu, bị cáo sau khi chấp hành xong các bản án trên bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp phạm tội. Do bản thân bị cáo nghiện ma tuý, lười lao động không có tiền để tiêu sài cho bản thân nên đã phạm tội. Khi được bị cáo T rủ để trộm cắp bị cáo cùng nhất trí và chuẩn bị dụng cụ để cùng nhau phạm tội. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do hành vi của bị cáo bị truy tố là tình tiết định khung hình phạt của loại tội này nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền theo kết luận định giá tài sản là 5.167.000đ, về mức hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật cần áp dụng mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên, khi xem xét mức hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng để trừng trị, cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo nghề nghiệp: Lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự cho bị hại bà Lữ Thị H1 số tiền 5.167.000đ *(Năm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 2.583.500 *(Hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).*

Xác nhận bị cáo Nông Văn T đã nộp số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0000057 ngày 15/8/ 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Nay còn phải bồi thường cho bà Lữ Thị H1 số tiền 83.500đ *(Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng)*.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 11S1-0535, ông Giang Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà và có đơn yêu cầu được trả lại chiếc xe máy, việc bị cáo T mang xe để thực hiện hành vi phạm tội thì ông B không biết. Ông B là chủ sở hữu chiếc xe nên cần trả lai cho ông B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với:

+ 01 (một) đôi giày màu trắng có nhiều hoa văn trên giày có ghi dòng chữ "TRENDS ADDICTED"

+ Đối với 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen có lưỡi trên mũ ghi dòng chữ "adids";

+ 01 (một) chiếc quần vải dài màu đen;

+ 01 (một) đôi giày màu xanh cam trên giày có ghi dòng chữ " NEW SPORT"

+ 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen, có lưỡi, trên mũ có ghi dòng chữ " NIKES"

Đây là đồ dùng cá nhân của các bị cáo, đã hết giá trị sử dụng, các bị cáo không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với pháp luật.

Đối với:

+ 01 (một) sợi dây kim loại màu trắng dài 203cm;

+ 01 (một) thanh kim loại màu trắng có kích thước 148 x 0,4cm;

+ 01 (một) đám muội than màu đen

Đây là dụng cụ các bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K màu xanh dương máy cũ đã qua sử dụng; số Imei: 865020066293111, I: 865020066293103, điện thoại đã qua sử dụng. Bị cáo dùng điện thoại vào việc liên lạc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại để sung công quỹ nhà nước.

[8] Tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tự nguyện khắc phục hậu quả, và thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ chưa đủ điều kiện và không đảm bảo tính răn đe nên không được chấp nhận đề nghị mức hình phạt thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị. Về án phí bị cáo Nông Văn T thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là phù hợp nên cần được chấp nhận miễn án phí cho bị cáo T .

Phần tranh luận đối đáp người bào chữa cho bị cáo T, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã đề nghị. Do bị cáo T có nhân thân rất xấu nên việc đề xuất của người bào chữa đề nghị mức hình phạt cho bị cáo T thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát là không đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về phần án phí của bị cáo T buộc bị cáo phải chịu án phí, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn được quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Nông Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nông Văn T thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được miễn án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn T.

Căn cứ Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn T1.

Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T, bị cáo Nông Văn T1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nông Văn T 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi vào trại chấp hành án.

- Bị cáo Nông Văn T1 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/3/2025. Quyết định tạm giam bị cáo sau phiên toà để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự cho bị hại bà Lữ Thị H1, địa chỉ: Tổ H, phường T, tỉnh Cao Bằng số tiền 5.167.000đ *(Năm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 2.583.500 *(Hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).*

Xác nhận bị cáo Nông Văn T đã nộp số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu số 0000057 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Nay còn phải bồi thường cho bà Lữ Thị H1 số tiền 83.500đ *(Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).*

Kể từ khi có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, nếu bị cáo chưa thanh toán số tiền trên cho bị hại bà H1 thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Hòan trả cho ông Giang Văn B, địa chỉ: xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại: TAURUS, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 11S1-0535.

Tịch thu, tiêu hủy gồm:

+ 01 (một) đôi giày màu trắng có nhiều hoa văn trên giày có ghi dòng chữ "TRENDS ADDICTED"

+ 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen có lưỡi trên mũ ghi dòng chữ "adidas";

+ 01 (một) chiếc quần vải dài màu đen;

+ 01 (một) đôi giày màu xanh cam trên giày có ghi dòng chữ " NEW SPORT"

+ 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu đen, có lưỡi, trên mũ có ghi dòng chữ " NIKES"

+ 01 (một) sợi dây kim loại màu trắng dài 203cm;

+ 01 (một) thanh kim loại màu trắng có kích thước 148 x 0,4cm;

+ 01 (một) đám muội than màu đen.

- Tịch thu, phát mại để sung công quỹ nhà nước:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K màu xanh dương máy cũ đã qua sử dụng; số Imei: 865020066293111, I: 865020066293103, điện thoại đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 108 ngày 31/7/2025.

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Nông Văn T1 phải chịu số tiền 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng hai khoản án phí bị cáo T1 phải chịu số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* để sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo Nông Văn T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1-CB;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
-Phòng THA DS khu vực1 - CB;
- THA DS tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong